

Bản án số: 21/2019/HNGĐ-PT

Ngày: 29 - 8 - 2019

V/v Tranh chấp chia tài sản chung
sau ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn A Đam

Các Thẩm phán: Ông Trịnh Xuân Miên

Bà Hoàng Thị Hải Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Nhớ là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 19/2019/TLPT-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn*”. Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 06/2019/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Nc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 21/2019/QĐ-PT ngày 05 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tấn Th, sinh năm 1974 (Có mặt).

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn Nc, huyện Nc, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Bà Phạm Ánh T, sinh năm 1962 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 4, thị trấn Nc, huyện Nc, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của bà T: Ông Nguyễn Như Q, sinh năm 1969; Địa chỉ: Số 10/3/A, ấp Tân H, xã Tân H, Hóc M, Tp. Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 13/4/2018), (Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Nguyễn Thị Bé Tr, sinh năm 1989 (Có mặt);

Địa chỉ: Khóm 4, thị trấn Nc, huyện Nc, tỉnh Cà Mau; tạm trú: Nhà 6.3, lô A, chung cư Thủy Lợi 4, số 205, đường Nguyễn X, phường 26, quận Bình Th, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ngân hàng thương mại Cổ phần Kiên L;

Địa chỉ trụ sở: Số 40-42-44 Phạm Hồng Th, Vĩnh Thanh V, thành phố Rạch G, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thế V – Giám đốc phòng giao dịch Nc (Vắng mặt).

- Ông Trần Quốc Kh, sinh năm 1963 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn Nc, huyện Nc, tỉnh Cà Mau.

- Chị Nguyễn Thị Bé Ch, sinh năm 1988 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn Nc, huyện Nc, tỉnh Cà Mau.

- Bà Lê Mỹ U, sinh năm 1970 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Khóm 7, thị trấn Nc, huyện Nc, tỉnh Cà Mau.

- Ông Nguyễn Thanh S (Vắng mặt).

Địa chỉ: Xã Tân Ân T, huyện Ngọc H, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Như Q – Đại diện hợp pháp của nguyên đơn và chị Nguyễn Thị Bé Tr – Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo nguyên đơn ông Nguyễn Tấn Th trình bày:* Ông và bà T trước đây quan hệ vợ chồng nhưng chưa có con chung, do bất đồng quan điểm nên ông bà đã ly hôn, khi ly hôn ông bà đã thỏa thuận được với nhau về vấn đề tình cảm, riêng phần tài sản chung vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không kê khai và đã được Tòa án xét xử tại Bản án số 48/2017/HNGĐ-ST ngày 06/12/2017 chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Th với bà T.

Sau khi ly hôn, ông bà không thể tự thỏa thuận phân chia tài sản chung nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung, nợ chung, cụ thể:

- Thừa đất thứ nhất diện tích là 100,0m² số 408, tờ bản đồ số 22; tọa lạc tại khóm 4, thị trấn Nc được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 21/6/2016 do ông và bà T cùng đứng tên.

- Thừa đất thứ hai diện tích là 200,0m² số 163, tờ bản đồ số 22; tọa lạc tại khóm 4, thị trấn Nc được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 21/6/2016 do ông và bà T cùng đứng tên.

Hai thửa đất nêu trên thực ra là cùng một phần đất vì tọa lạc liền kề, diện tích tổng hai thửa đất nêu trên là $300,0\text{m}^2$ theo giấy chứng nhận nhưng thực tế đo đạc là $397,4\text{m}^2$; sau khi cơ quan chuyên môn huyện kiểm tra lại mốc lộ giới và trừ ra theo quy hoạch thì diện tích còn lại của hai thửa đất là $306,0\text{m}^2$. Ông bà có xây dựng 08 phòng trọ trên đất, trong đó 07 phòng diện tích là $3,1\text{m} \times 12\text{m} = 37,2\text{m}^2$; 01 phòng diện tích là $45,6\text{m}^2$; Phòng trọ được xây dựng bằng bê tông cốt thép, lợp tol lạnh sóng vuông, nền gạch men. Xây dựng vào tháng 4/2015 âm lịch, hoàn thành tháng 8/2015 âm lịch. Chi phí xây dựng phòng trọ khoảng 500.000.000 đồng.

- Thửa đất thứ ba diện tích là $144,0\text{m}^2$ số 336, tờ bản đồ số 22; tọa lạc tại khóm 4, thị trấn Nc được UBND huyện Nc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 13/3/2015 do ông và bà T cùng đứng tên; đo đạc thực tế là $257,5\text{m}^2$, sau khi trừ lộ giới còn lại 181m^2 . Trên đất xây dựng 01 căn nhà, xây vào tháng 01/2017 âm lịch và hoàn thành tháng 4/2017 âm lịch, xây trên diện tích $154,6\text{m}^2$, chi phí xây dựng nhà khoảng 800.000.000 đồng.

Ông yêu cầu chia đôi giá trị 03 phần đất và tài sản trên đất, ông yêu cầu nhận hiện vật là phần đất và 08 phòng trọ, giao bà T phần đất và nhà ở, nếu ai nhận phần đất và nhà có giá trị cao hơn thì có trách nhiệm thanh toán lại phần chênh lệch cho bên kia.

- Tiền mặt có 50.000.000 đồng; 10 chỉ vàng 24k; 110 chỉ vàng 18k (gồm 02 sợi dây chuyền và 02 lắc tay). Tất cả tiền và vàng bà T đang quản lý. Ông yêu cầu chia đôi, nhận bằng tiền.

Các tài sản khác trong nhà ông Th không yêu cầu xem xét.

Nợ trả:

- Nợ Ngân hàng Kiên L số tiền vốn vay là 500.000.000 đồng, có thể chấp nhà và đất ở diện tích 144m^2 thửa đất tọa lạc tại khóm 4, thị trấn Nc; tờ bản đồ số 22, số 336, được UBND huyện Nc cấp Giấy chứng nhận số BX 107886 ngày 13/3/2015, do ông và bà T cùng đứng tên. Ông yêu cầu bà T liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Kiên L.

- Nợ bà Lê Mỹ U, mục đích vay là để bồi thường cho bị hại do bà T gây thương tích. Số tiền vay của bà U là 200.000.000 đồng, trong đó Bé Ch (con riêng bà T) đứng tên vay 100.000.000 đồng, ông đứng tên vay 100.000.000 đồng, tiền lãi 40.000.000 đồng. Phần của Bé Ch đã trả cho bà U xong, riêng phần ông đã trả cho bà U. Nay ông yêu cầu bà T phải có trách nhiệm trả lại cho ông 70.000.000 đồng.

- Nợ tiền mua vật liệu xây dựng của cửa hàng Trần Kh do ông Trần Quốc Kh làm chủ số tiền 30.000.0000 đồng. Ông yêu cầu bà T cùng liên đới chịu trách nhiệm trả nợ.

Ông không thừa nhận có nợ tiền của Bé Tr (con riêng bà T) để xây dựng nhà ở và mua đất xây dựng nhà trọ. Ông thừa nhận Bé Tr có mua đồ chuyển về khi xây dựng phần nhà ở nhưng chỉ gồm một ít gạch lót nền và nước S, còn lại ông bà tự mua ở cửa hàng Trần Kh. Đối với tài sản là tủ, bàn, ghế, vật dụng trong nhà thì ông không biết, không yêu cầu chia, nếu bà T cần thì lấy. Tiền mua đất xây nhà trọ là do tiền của ông và bà T tích lũy chứ không phải mượn của Bé Tr.

Đối với số tiền hơn 1.000.000.000 đồng Bé Tr chuyển khoản cho ông là có thật nhưng ông chỉ nhận thay bà T, sau đó đưa lại cho bà T chứ không phải chuyển tiền về để xây dựng nhà ở và nhà trọ vì tiền chuyển trước khi làm nhà.

Nợ thu đối với ông Nguyễn Thanh S 200.000.000 đồng thì ông rút lại yêu cầu, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông đồng ý với kết quả định giá trị tài sản ngày 13/11/2018, chi phí đo đạc thẩm định và định giá tài sản ông Th tự nguyện chịu, không yêu cầu xem xét.

** Trong quá trình giải quyết vụ án Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Như Q trình bày:*

Bà T và ông Th trước đây là quan hệ vợ chồng, do bất đồng quan điểm nên đã ly hôn, khi ly hôn vấn đề tài sản không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay không tự thỏa thuận được về tài sản chung, nợ thu, nợ trả nên ông Th yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà T đồng ý với lời trình bày của ông Th về khối tài sản chung gồm có đất, nhà ở, nhà trọ. Bà T đồng ý với diện tích thực tế đo đạc và kết quả định giá giá trị tài sản ngày 13/11/2018. Bà T đồng ý chia $\frac{1}{2}$ tài sản là đất, nhà ở, nhà trọ với ông Th vì tài sản cùng đứng tên bà T và ông Th nhưng với điều kiện phải thanh toán nợ cho Nguyễn Thị Bé Tr (con riêng của bà T) số tiền là khoảng hơn 1.000.000.000 đồng, bởi vì nguồn gốc số tiền là vay của Bé Tr để xây dựng nhà ở, nhà trọ cho ông Th và bà T, cụ thể:

- Tiền xây dựng nhà ở: Bé Tr cho mượn và đầu tư xây dựng nhà ở tổng số tiền là 790.000.000 đồng, chị Tr mua toàn bộ gạch men khoảng 70.000.000 đồng; mua đòn tay thép và tol, trần thạch cao khoảng 70.000.000 đồng; hệ thống cửa nhà khoảng 30.000.000 đồng; toàn bộ trang thiết bị điện trong nhà khoảng 70.000.000 đồng; hệ thống nước sinh hoạt trong nhà khoảng 50.000.000 đồng; nội thất (bàn, ghế, tủ, giường...) khoảng 200.000.000 đồng; hệ thống bếp, máy hũu khí khoảng 25.000.000 đồng; đá hoa cương ốp trong bếp, nhà vệ sinh khoảng 15.000.000 đồng; tiền mua cây và tol làm mái che khoảng 15.000.000 đồng; tiền mua S nước khoảng 15.000.000 đồng. Tất cả đều được mua ở thành phố Hồ Chí Minh chuyển về. Ngoài ra, Bé Tr còn gửi tiền về trực tiếp và chuyển qua tài khoản Ngân hàng

Sacombank đứng tên Nguyễn Tấn Th với tổng số tiền 230.000.000 đồng để trả công thợ, thanh toán tiền cừ, mua các vật liệu thô.

- Tiền mua đất xây dựng nhà trọ: Bé Tr chuyển về khoảng 700.000.000 đồng qua tài khoản Ngân hàng Sacombank đứng tên Nguyễn Tấn Th, thời gian bắt đầu chuyển là từ đầu năm 2016 đến tháng 7 năm 2016.

Bé Tr chuyển tiền về xây dựng nhà ở và nhà trọ, còn lại các phần đất là ông Th và bà T tự mua.

Đối với yêu cầu của ông Th về tiền 50.000.000 đồng và số vàng 110 chỉ vàng 18k, 10 chỉ vàng 24k là không có nên không đồng ý.

Các tài sản khác trong nhà bà T không yêu cầu xem xét.

Nợ trả:

- Nợ Ngân hàng Kiên L tiền vốn vay là 500.000.000 đồng, bà T có ký tên để vay nhưng ông Th là người trực tiếp nhận tiền và chuyển tiền vào tài khoản cá nhân để sử dụng riêng nên bà T không chịu trách nhiệm liên đới thanh toán nhưng trường hợp Tòa án buộc bà T thì bà T đồng ý liên đới cùng ông Th trả nợ vì đã thế chấp phần đất.

- Nợ bà U số tiền 200.000.000 đồng là đúng, ông Th và bà T có trách nhiệm mỗi người trả cho bà U 100.000.000 đồng. Phần của bà T đã được con bà T là Bé Ch trả cho bà U trực tiếp 100.000.000 đồng nên bà T không đồng ý trả cho ông Th 70.000.000 đồng.

- Nợ ông Trần Quốc Kh là chủ cửa hàng vật liệu xây dựng Trần Kh tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ là 30.000.000 đồng là đúng, bà T đồng ý liên đới trả cùng ông Th, mỗi người có trách nhiệm trả nợ 15.000.000 đồng cho ông Kh.

Nợ thu không có, về việc tót yêu cầu khởi kiện với ông S, bà T không có ý kiến.

**Trong quá trình giải quyết vụ án bên có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Kiên L, đại diện là ông Nguyễn Thế V trình bày:*

Ông Th và bà T có ký hợp đồng vay vốn số tiền 500.000.000 đồng, lãi suất 10,98%/năm, lãi quá hạn là 150% lãi trong hạn tại hợp đồng số 060/18/HĐTD/2002/5952 ngày 22/02/2018; thời hạn vay là 12 tháng; thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất tọa lạc tại khóm 4, thị trấn Nc, diện tích 144m²; thửa đất số 336; tờ bản đồ số 22; Giấy CNQSD đất số BX 107886 do UBND huyện Nc cấp ngày 13/3/2015. Đến hiện tại đã quá hạn 10 tháng, tiền lãi khoảng 39.500.000 đồng. Nay Ngân hàng yêu cầu ông Th và bà T có trách nhiệm liên đới thanh toán tiền nợ theo hợp đồng vay với số tiền vốn vay là 500.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày thanh toán xong khoản nợ; đồng thời đề nghị ông Th và bà T thanh toán phần lãi đến hiện tại khoảng 40.000.000 đồng để quay về mức lãi trong hạn.

** Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, có yêu cầu độc lập - Chị Nguyễn Thị Bé Tr trình bày:*

Chị Tr là con riêng của bà T, trước đây bà T với ông Th là vợ chồng, nay đã ly hôn. Vào thời điểm mẹ chị Tr và ông Th còn là vợ chồng thì chị có gửi tiền về cho mượn khoảng hơn 1.000.000.000 đồng để xây nhà ở và mua đất xây nhà trọ (không có làm giấy tờ vì là mẹ con), cụ thể:

- Tiền xây dựng nhà ở: Chị Tr cho ông Th và bà T mượn xây dựng nhà ở tổng số tiền là 790.000.000 đồng, chị Tr mua toàn bộ gạch men khoảng 70.000.000 đồng; mua đòn tay thép và tol, trần thạch cao khoảng 70.000.000 đồng; hệ thống cửa khoảng 30.000.000 đồng; toàn bộ Thết bị điện trong nhà khoảng 70.000.000 đồng; hệ thống nước khoảng 50.000.000 đồng; nội thất (bàn, ghế, tủ, giường...) khoảng 200.000.000 đồng; hệ thống bếp, máy hút khói khoảng 25.000.000 đồng; đá hoa cương trong bếp, nhà vệ sinh khoảng 15.000.000 đồng; tiền mua cây và tol làm mái che khoảng 15.000.000 đồng; tiền mua S nước khoảng 15.000.000 đồng. Tất cả đều được mua ở thành phố Hồ Chí Minh chuyển về. Ngoài ra Bé Tr còn gửi tiền về trực tiếp và chuyển khoản qua tài khoản Ngân hàng Sacombank đứng tên Nguyễn Tấn Th với tổng số tiền 230.000.000 đồng để trả công thợ, thanh toán tiền cừ, mua các vật liệu thô.

- Tiền mua đất xây dựng nhà trọ: Chị chuyển về khoảng 700.000.000 đồng qua tài khoản Ngân hàng Sacombank đứng tên Nguyễn Tấn Th, thời gian bắt đầu chuyển là từ đầu năm 2016 đến tháng 7 năm 2016.

Chị yêu cầu ông Th và bà T có trách nhiệm cùng liên đới trả cho chị số tiền 1.500.000.000 đồng, mỗi người chịu trách nhiệm trả 750.000.000 đồng. Nhưng nay ông Th không đồng ý nhận các vật dụng (tủ, bàn, ghế, giường...) thì chị sẽ nhận các tài sản này và trừ tiền mua là 200.000.000 đồng. Chỉ yêu cầu ông Th và bà T liên đới thanh toán nợ gốc là 1.300.000.000 đồng, mỗi người trả 650.000.000 đồng.

** Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, có yêu cầu độc lập - Ông Trần Quốc Kh trình bày:*

Ngày 24/7/2017, ông Th có đến cơ sở vật liệu xây dựng của ông để mua vật tư xây dựng khu nhà trọ tại khóm 4, thị trấn Nc. Số tiền ông Th mua vật tư khoảng 100.000.000 đồng, đã trả được 70.000.000 đồng, còn nợ lại 30.000.000 đồng, có biên nhận nợ. Do trong thời gian giao dịch mua bán vật liệu thì bà T có đến cơ sở của ông để thanh toán tiền vật tư, ông biết được lúc đó ông Th và bà T còn là vợ chồng. Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Th và bà T có trách nhiệm liên đới thanh toán tiền mua vật tư còn nợ là 30.000.000 đồng. Ông Kh có đơn xin xét xử vắng mặt.

**Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Bé Ch trình bày:*

Chị Ch là con riêng của bà T, trước đây mẹ ruột chị là bà T và ông Th là vợ chồng, nay đã ly hôn.

Ngày 03/12/2017, chị có ký vào giấy biên nhận nợ với bà Lê Mỹ U cùng ông Th để vay 100.000.000 đồng để chi xài sinh hoạt gia đình do bà T đang bị tạm giam tại Công an huyện Ngọc Hiển. Riêng ông Th vay bà U 100.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân chị không biết. Nay ông Th đưa số tiền vay bà U vào nợ chung với mẹ là bà T, buộc mẹ chị là bà T trả ông Th 70.000.000 đồng thì chị không đồng ý vì không có cơ sở. Chị Ch có đơn xin xét xử vắng mặt.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Mỹ U từ chối làm việc với Tòa án nên không cung cấp lời khai.*

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh S không cung cấp lời khai.*

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 06/2019/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Nc quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông Trần Quốc Kh, chị Nguyễn Thị Bé Ch, bà Lê Mỹ U tại phiên tòa. Đối trường hợp ông Nguyễn Thanh S thì ông Th đã rút yêu cầu, nên Tòa án đình chỉ yêu cầu này của ông Th, các đương sự không có ý kiến khác. Vì vậy Tòa án không mời ông S tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Căn cứ Điều 27, Điều 30, Điều 33, Điều 59, Điều 60, Điều 62 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 217 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 319, Điều 323, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng; điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Về tài sản:

- Chấp nhận một phần yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn của ông Nguyễn Tấn Th đối với bà Phạm Ánh T. Buộc bà Phạm Ánh T đang quản lý thửa đất số 408, tờ bản đồ số 22; thửa đất số 163, tờ bản đồ số 22; đều tọa lạc tại khóm 4, thị trấn Nc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cấp cùng ngày 21/6/2016 do ông Th và bà T cùng đứng tên. Diện tích tổng hai thửa đất nêu trên là 300,0m² theo giấy chứng nhận nhưng thực tế đo đạc là 397,4m²; trừ mốc lộ giới ra theo quy hoạch thì diện tích còn lại của hai thửa đất là: 306,0m². Trên đất có xây dựng 08 phòng trọ bằng bê tông cốt thép, lợp tol lạnh sóng vuông, nền gạch men trên đất giao lại cho ông

Nguyễn Tấn Th được quản lý sử dụng (vị trí đất kèm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất, sơ đồ bản vẽ).

Buộc bà Phạm Ánh T có nghĩa vụ giao lại cho ông Nguyễn Tấn Th giá trị chênh lệch bằng tiền là: 212.549.140 đồng. Tiếp tục giao cho bà Phạm Ánh T được nhận và quản lý sử dụng thửa đất số 336, tờ bản đồ số 22; tọa lạc tại khóm 4, thị trấn Nc diện tích theo đo đạc thực tế đã trừ mốc lộ giới theo quy hoạch còn lại là: 181m² và nhà cất trên đất (kèm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất, sơ đồ bản vẽ).

- Không chấp nhận một phần yêu cầu chia tài sản của ông Nguyễn Tấn Th đối với bà Phạm Ánh T gồm: Tiền mặt 50.000.000 đồng; 12 chỉ vàng 24k; 110 chỉ vàng 18k (gồm 02 sợi dây chuyền và 02 lắc tay).

* Về nợ trả:

- Chấp nhận yêu cầu số tiền 70.000.000 đồng của ông Nguyễn Tấn Th đối với bà Phạm Ánh T. Buộc bà Phạm Ánh T có nghĩa vụ trả lại cho ông Th 70.000.000 đồng, tiền ông Nguyễn Tấn Th bỏ ra thanh toán chi phí riêng cho bà Phạm Ánh T.

- Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Kiên L đối với ông Nguyễn Tấn Th và bà Phạm Ánh T. Buộc ông Nguyễn Tấn Th và bà Phạm Ánh T có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho Ngân hàng Kiên L với số tiền gốc là: 500.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày xét xử là: 64.559.384 đồng và lãi phát sinh cho đến khi tất toán hợp đồng với Ngân hàng Kiên L. Cụ thể ông Nguyễn Tấn Th có trách nhiệm thanh toán vốn cho Ngân hàng Kiên L gốc là: 250.000.000 đồng; lãi tính đến ngày xét xử là: 32.279.692 đồng và lãi phát sinh cho đến khi tất toán hợp đồng được tính trên số tiền vốn vay 250.000.000 đồng mà ông Th có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Kiên L. Bà T có trách nhiệm thanh toán vốn cho Ngân hàng Kiên L vốn là: 250.000.000 đồng; lãi tính đến ngày xét xử là: 32.279.692 đồng và lãi phát sinh cho đến khi tất toán hợp đồng được tính trên số tiền vốn vay 250.000.000 đồng mà bà T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Kiên L. Không chấp nhận đối với yêu cầu của Ngân hàng Kiên L đề nghị ông Th và bà T phải thanh toán 40.000.000 đồng để quay về mức lãi trong hạn. Ngân hàng có quyền xử lý lãi quá hạn theo hợp đồng mà ông Th và bà T đã ký với Ngân hàng Kiên L.

Ngân hàng Kiên L có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa Ngân hàng Kiên L với ông Nguyễn Tấn Th và bà Phạm Ánh T theo quy định của pháp pháp luật.

- Chấp nhận yêu cầu thanh toán nợ của ông Trần Quốc Kh đối với ông Nguyễn Tấn Th và bà Phạm Anh T. Buộc ông Nguyễn Tấn Th và bà Phạm Ánh T có nghĩa vụ thanh toán nợ vật liệu xây dựng cho ông Trần Quốc Kh với số tiền là: 30.000.000 đồng. Cụ thể ông Nguyễn Tấn Th thanh toán nợ cho ông Trần Quốc

Kh 15.000.000 đồng, bà Phạm Ánh T thanh toán cho ông Trần Quốc Kh 15.000.000 đồng.

- Chấp nhận yêu cầu thanh toán nợ của chị Nguyễn Thị Bé Tr đối với bà Phạm Ánh T. Buộc bà Phạm Ánh T có nghĩa vụ thanh toán nợ mượn cho chị Nguyễn Thị Bé Tr với số tiền là: 1.500.000.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu liên đới thanh toán nợ của chị Nguyễn Thị Bé Tr đối với ông Nguyễn Tấn Th.

- Đình chỉ yêu cầu của ông Nguyễn Tấn Th đối với ông Nguyễn Thanh S về yêu cầu thanh toán nợ với số tiền là: 200.000.000 đồng.

Kể từ ngày ông Trần Quốc Kh có đơn yêu cầu Th hành án nếu bà Phạm Ánh T, ông Nguyễn Tấn Th chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng bà T, ông Th còn phải chịu thêm khoảng tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Kể từ ngày ông Nguyễn Tấn Th, chị Nguyễn Thị Bé Tr có đơn yêu cầu Th hành án nếu bà Phạm Ánh T chậm thực hiện nghĩa vụ thì bà T còn phải chịu thêm khoảng tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Kể từ ngày 28/3/2019, bà T, ông Th còn phải tiếp tục chịu thêm khoảng lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoảng nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà bà T ông Th phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Về chi phí xem xét đo đạc, thẩm định, định giá tài sản ông Nguyễn Tấn Th tự nguyện chịu, đã nộp đủ.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên lãi suất chậm trả, án phí sơ thẩm, chi phí xem xét đo đạc, thẩm định, định giá cấp sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 16/04/2019 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Như Q có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm, cụ thể ông yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm làm rõ nguồn gốc tạo lập tài sản chung, công sức đóng góp của các bên và xem xét tỷ lệ chia tài sản chung cho hợp lý; xác định lại nợ chung, lãi và nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng Kiên L; xác định lại khoản nợ chung và nghĩa vụ trả nợ của nguyên đơn đối với chị Nguyễn Thị Bé Tr.

Ngày 16/4/2019 chị Nguyễn Thị Bé Tr có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm buộc nguyên đơn có nghĩa vụ trả nợ chung với bị đơn đối với khoản nợ 1,5 tỷ đồng.

Tại phiên tòa: Ông Q rút một phần yêu cầu kháng cáo về việc yêu cầu nguyên đơn Nguyễn Tấn Th chịu trách nhiệm trả nợ chung phần tiền 500.000.000 đồng vay Ngân hàng Kiên L. Chị Tr giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ theo pháp luật quy định. Về nội dung: Tại phiên tòa có phát sinh chứng cứ mới là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Bé Tr có đơn yêu cầu là số tiền 1.500.000.000 đồng chị yêu cầu ông Th, bà T trả là tài sản chung của chị và anh Đỗ Thành H chồng chị, anh H có gởi tiền vào tài khoản của ông Th. Án sơ thẩm chưa cho anh H, chị Tr và ông Th đối cH các khoản tiền gởi qua lại vào tài khoản của chị Tr, anh H và ông Th; Xác minh làm rõ khoản tiền chị Tr, anh H mua trang trí nội thất cất nhà ở, nhà trọ là bao nhiêu và đưa anh H vào tham gia tố tụng để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự. Ngoài ra, tại biên bản ghi lời trình bày của bà Huỳnh Thị U vào ngày 14/8/2019 và đơn khởi kiện ngày 09/4/2019 của bà Huỳnh Thị U có yêu cầu ông Nguyễn Tấn Th chia tài sản chung, trong đó có liên quan đến phần đất ông Th, bà T đã cất nhà và đã yêu cầu chia tài sản chung, bà U còn yêu cầu chia phần đất nuôi trồng thủy sản và tiền cho thuê phần đất này. Cấp sơ thẩm chưa đưa bà Huỳnh Thị U vào tham gia tố tụng là thiếu sót. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên L, ông Trần Quốc Kh, chị Nguyễn Thị Bé Trân, bà Lê Mỹ U, ông Nguyễn Thanh S đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn Nguyễn Tấn Th trình bày: Năm 2010 ông về chung sống với bà Phạm Ánh T như vợ chồng, đến năm 2016 thì đăng ký kết hôn. Trước khi về sống chung với bà T thì năm 1995, ông Th có sống chung như vợ chồng và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương với bà Huỳnh Thị U, sinh năm 1977, trú tại ấp Cây Phước, xã Viên An Đông, huyện Ngọc Hiển tỉnh Cà Mau và có 02 con chung. Ông Th, bà U chưa có yêu cầu Tòa án nào giải quyết mối quan hệ hôn nhân trên, hiện bà U và 02 con vẫn còn ở nhà ông Th tại ấp Cây Phước, xã Viên An Đông, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Tại các biên bản xác minh ngày 11/7/2019 và 14/8/2019, của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau thì bà Huỳnh Thị U cho rằng vào năm 2006, cha mẹ chồng bà là ông Nguyễn Văn Đ và bà Tạ Thị X có cho bà và ông Th một nền nhà tại khóm 4, thị trấn Nc, huyện Nc, tỉnh Cà Mau và một phần đất nuôi trồng thủy sản có diện tích 51.906,2 m², tọa lạc tại ấp Cây Phước, xã Viên An Đông, huyện Ngọc Hiển,

tỉnh Cà Mau. Việc ông Nguyễn Tấn Th và bà Phạm Ánh T đứng tên quyền sử dụng đất phần đất nền nhà tại khóm 4, thị trấn Nc, huyện Nc và đã yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng phần đất này thì bà không hay biết, bà sẽ nộp đơn khởi kiện yêu cầu ông Th chia cho bà $\frac{1}{2}$ giá trị phần đất này. Ngoài ra, ngày 09/4/2019 bà U đã nộp đơn khởi kiện xin ly hôn và chia tài sản chung với ông Th và Tòa án nhân dân huyện Nc đang thụ lý giải quyết. Trong phần yêu cầu chia tài sản chung bà U có yêu cầu ông Th chia phần đất nuôi trồng thủy sản có diện tích 51.906,2 m², tọa lạc tại ấp Cây Phước, xã Viên An Đông, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau và số tiền 260.000.000 đồng mà ông Th cho thuê đất nuôi trồng thủy sản từ năm 2014 đến 2018. Bà U cho rằng bản chúc thư vào ngày 03/6/2008 của cha mẹ chồng bà lập có ghi cho ông Th 02 nền nhà và phần đất nuôi trồng thủy sản 40 công là ông Th đại diện hộ gia đình trong đó có bà, ông Th cùng các con chứ không phải cho riêng ông Th, nên các tài sản này là của chung bà và ông Th nên bà đã yêu cầu chia tài sản chung.

[3] Tại phiên tòa ông Th trình bày: 02 nền nhà và phần đất ông được hưởng theo bản chúc thư ngày 03/6/2008 của cha, mẹ ông là cho riêng ông không phải cho chung vợ và các con ông nên ông không đồng ý phân chia, bà U không có liên quan gì đến phần đất nền nhà tại khóm 4, thị trấn Nc, huyện Nc, tỉnh Cà Mau và phần đất nuôi trồng thủy sản. Hiện phần đất tại khóm 4, thị trấn Nc ông và bà T mua thêm một nền đất liền kề và đồng đứng tên quyền sử dụng đất đã cất nhà kiên cố, tại bản án sơ thẩm giao cho bà T quản lý và giao lại cho ông số tiền trên lịch 212.549.140 đồng. Việc bà U cho rằng ông cho thuê phần đất nuôi trồng thủy sản là đúng nhưng đây là đất của cá nhân ông, không liên quan đến bà U, tiền ông cho thuê ruộng ông đã dùng vào việc mua đất cất nhà với bà T.

Xét thấy, tại Tòa án cấp sơ thẩm ông Nguyễn Tấn Th và bà Phạm Ánh T yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng và cung cấp tài liệu, chứng cứ thể hiện có đăng ký kết hôn vào ngày 12/12/2016, ly hôn vào ngày 06/12/2017; Ông Th không trình bày cho cấp sơ thẩm biết là năm 1995 có chung sống như vợ chồng với bà Huỳnh Thị U và có 02 con chung để Tòa án cấp sơ thẩm có cơ sở xác minh đưa bà U vào tham gia tố tụng và giải quyết toàn diện vụ án nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho tất cả các đương sự. Hiện bà U có yêu cầu phân chia tài sản với ông Th và Tòa án đã thụ lý đơn khởi kiện của bà U, và lời trình bày giữa bà U và anh Th còn mâu thuẫn, không thể giải quyết trong vụ án này. Do đó, cần Thết xác minh làm rõ, đưa bà U vào tham gia tố tụng để giải quyết toàn diện vụ án, do cấp sơ thẩm chưa đưa bà U vào tham gia tố tụng nên cần hủy án sơ thẩm để xét xử lại để bảo đảm quyền lợi của các đương sự.

[4] Do hủy án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không xem xét đến kháng cáo của bà Phạm Ánh T và chị Nguyễn Thị Bé Tr. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm

chị Nguyễn Thị Bé Tr có trình bày và cung cấp chứng cứ mới cho rằng số tiền 1.500.000.000 đồng chị gởi về cho bà T, ông Th mua đất xây dựng nhà ở, nhà trọ là tài sản chung của chị và anh Đỗ Thành H chồng chị, anh H cũng đã có gởi tiền từ tài khoản của ông Th. Do đó, khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án cần đối chiếu số tiền chị Tr, anh H gởi vào tài khoản ông Th và tiền ông Th gởi cho chị Tr, anh H cụ thể là bao nhiêu, mục đích chuyển các khoản tiền trên; xác định rõ số tiền chị Tr, anh H mua trang trí nội thất cho ông Th, bà T là bao nhiêu tiền và đưa anh H vào tham gia tố tụng để bảo đảm quyền lợi cho tất cả các đương sự.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Hủy bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số :06/2019/HNGĐ-ST ngày 27/3/2019 về “Tranh chấp chia tài sản chung sau ly hôn” của Tòa án nhân dân huyện Nc, tỉnh Cà Mau.

Giao hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân huyện Nc, tỉnh Cà Mau xét xử lại theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được Th hành theo quy định tại Điều 2 Luật Th hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Nc;
- Chi cục THADS huyện Nc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn A Đam